TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-12-2022
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Thanh Trúc;

2. Bà Trần Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huê – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2022/TB-TLVA ngày 14 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2022/QĐST-HN ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Hưng, xã Khánh Thạnh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hai Thủ, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2010, anh và chị Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn với nhau, vào ngày 04/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thạnh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận. Vợ chồng không quan tâm tới nhau, mạnh ai nấy sống. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào năm 2013 và ly thân từ đó cho đến nay. Nên nay anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thanh T: Vắng mặt không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với chị T được Tòa án triệu tập tham gia xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại ấp Hai Thủ, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Về xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ và thời hạn chuẩn bị xét xử đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68, Điều 97 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 2010. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Khánh Thạnh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04 tháng 6 năm 2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống anh H cho rằng giữa anh chị có mâu thuẫn, chị T không quan tâm gia đình. Anh, chị đã ly thân từ năm 2013. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa anh H với chị T là trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị T.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn H xác định không có, chị Nguyễn Thanh T không có văn bản phản đối hoặc ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn H xác định không có, chị Nguyễn Thanh T không có văn bản phản đối hoặc ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bằng 300.000 đồng nhưng cấn trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012131 ngày 13 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, anh H không phải nộp tiếp. Chị Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA**

Trần Thị Sang **Thi Thị Thanh Trúc** **Phạm Hoàng Nguyên**

*** Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Nguyên